

Bản án số: 70/2017/HSST
Ngày: 12 – 7 – 2017

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LẠNG SƠN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Chu Long Kiếm**

Thẩm phán: Ông **Cao Đức Chiến**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Chu Văn Mốt**

2. Ông **Trần Văn Bình**

3. Ông **Nguyễn Văn Chung**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Hoàng Hồng Hạnh** – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên tòa: Ông **Đình Việt Hưng** - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 7 năm 2017, tại trụ sở Ủy ban nhân dân xã T, huyện L, tỉnh Lạng Sơn, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 52/2017/HSST ngày 22 tháng 6 năm 2017 đối với bị cáo:

Họ và tên: **H**; sinh ngày: 19/11/1967 tại L – Lạng Sơn;

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: Thôn P, xã T, huyện L, tỉnh Lạng Sơn; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ văn hóa: 01/12; dân tộc: Tày; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Không; Con ông: N (đã chết) và bà: D, sinh năm 1937, có vợ: L1, sinh năm 1968 và có 03 con, con lớn nhất sinh năm 1998, nhỏ nhất sinh năm 2009; bị bắt tạm giữ từ ngày 10/6/2016 đến nay. Có mặt.

Người bào chữa cho bị cáo: Bà **L2** – Luật sư cộng tác viên trợ giúp pháp lý Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Lạng Sơn. Có mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà **L1**, sinh năm 1968; trú tại: Thôn P, xã T, huyện L, tỉnh Lạng Sơn. Có mặt.

NHẬN THẤY

Bị cáo H bị Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn truy tố về hành vi phạm tội như sau:

Hồi 9 giờ 45 phút ngày 10/6/2016, tổ công tác Công an Huyện C phối hợp với Phòng PC47 Công an Tỉnh Lạng Sơn làm nhiệm vụ tại khu vực tái định cư M, xã K, huyện L, tỉnh Lạng Sơn kiểm tra phát hiện H đang cầm trên tay chiếc túi nilon màu đen, bên trong có 03 (ba) túi nilon màu trắng chứa các tinh thể màu trắng nghi là ma túy tổng hợp dạng đá. Tổ công tác đã đưa đối tượng cùng

vật chứng đến Đồn Công an M, lập biên bản bắt người phạm tội quả tang, niêm phong thu giữ vật chứng. (Bút lục số: 22-24).

Tại bản kết luận giám định số 191/KL-PC54 ngày 13/06/2016 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Lạng Sơn. Kết luận. “*Chất tinh thể màu trắng có trong 03 (ba) túi nilon gửi giám định là chất ma túy Methamphetamine có tổng trọng lượng 2958,1 gam (đã trừ bì)*”. (Bút lục số: 29).

Tại Cơ quan điều tra, H khai nhận: Đầu năm 2016, bị cáo thường xuyên đi sang Ái Diễm, Trung Quốc để buôn bán gỗ nên đã gặp và quen biết một người đàn ông tên là Kháng Kẹ, hơn 30 tuổi, nhà ở khu vực Vàng Dặng, trấn Ái Diễm, huyện Ninh Minh, tỉnh Quảng Tây, Trung Quốc và cho nhau số điện thoại để liên lạc. Vào cuối tháng 5/2016, trong một lần gặp nhau tại Trung Quốc, Kháng Kẹ nói có ma túy đá cần bán và bảo H về Việt Nam tìm người mua, H nhận lời.

Thông qua mối quan hệ xã hội, khoảng năm 2015 H quen biết một người tên là Quyền ở thôn Q, xã T, huyện L, tỉnh Lạng Sơn. Hai người cho nhau số điện thoại. Ngày 02/6/2016 H đang ở nhà thì nhận được điện thoại của Quyền nói có người cần mua ma túy đá, anh có nguồn thì đến nhà Quyền gặp nhau bàn bạc. Sau đó H đi xe mô tô đến, vào nhà gặp Quyền và một người đàn ông không quen biết rồi người này giới thiệu tên là Minh, ở Hà Nội, tại đây Minh nói muốn mua ma túy tổng hợp dạng đá, H đồng ý sẽ tìm để bán cho Minh và thống nhất với nhau giá bán là 250.000.000đ (Hai trăm năm mươi triệu đồng)/kg, H hẹn khi có ma túy thì sẽ gọi điện thoại cho Minh rồi đi về.

Ngày 05/6/2016 H đi theo đường mòn vượt qua biên giới Việt Nam – Trung Quốc sang khu Vàng Dặng, trấn Ái Diễm gặp Kháng Kẹ để mua 03 (Ba) kg ma túy đá, Kháng Kẹ đồng ý bán cho H với giá là 200.000.000đ (Hai trăm triệu đồng)/kg, nhưng hẹn khi nào gọi thì H sang lấy. Khoảng 03 giờ sáng ngày 10/6/2016 Kháng Kẹ gọi điện hẹn H đi đến khu vực đường mòn Kéo Khoác, xã T, huyện L, tỉnh Lạng Sơn để nhận ma túy. Khoảng 04 giờ sáng cùng ngày, H đi xe mô tô kiểm soát 12F4-0328, đến điểm hẹn và chờ ở đó. Khoảng 30 phút sau, Kháng Kẹ đến đưa cho H một chiếc túi nilon màu đen bên trong đựng 03 (Ba) túi ma túy đá và đồng ý cho H đem ma túy về bán rồi mang tiền sang trả sau. H treo túi ma túy vào móc ở giá để đồ của xe rồi điều khiển xe đi về, trên đường đi H gọi điện thoại hẹn Minh đến quán nước ở khu vực cửa khẩu M, huyện L, tỉnh Lạng Sơn để giao ma túy. Đến nơi hẹn H vào hàng giải khát bên đường thì bị phát hiện bắt quả tang như trên.

Đối với người đàn ông Trung Quốc tên Kháng Kẹ là người đã bán ma túy cho H là người nước ngoài và thực hiện việc giao ma túy ngoài lãnh thổ Việt Nam nên Cơ quan điều tra không có cơ sở xác minh làm rõ.

Người thanh niên tên Quyền là người đã giới thiệu Minh cho H để thực hiện việc mua ma bán trái phép chất ma túy. Theo lời khai của H, Quyền ở thôn Q, xã T, huyện L, tỉnh Lạng Sơn; qua xác minh không có ai tên là Quyền, sinh năm 1978 có đặc điểm nhận dạng như H đã khai. Xác minh số điện thoại 01654557495 mà Quyền sử dụng để liên lạc với H, được Tập đoàn viễn thông Quân đội Viettel cung cấp: Người đăng ký và sử dụng thuê bao điện thoại 01654557495 là T2, trú tại xã P2, huyện K1, tỉnh Quảng Nam, số CMND 205459486 do Công an Tỉnh Quảng Nam cấp ngày 09/6/2006. Tra cứu số

CMND trên, xác định số CMND do Công an tỉnh Quảng Nam cấp cho L3, sinh năm 1989, trú tại T3, huyện B2, tỉnh Quảng Nam. Xác minh tại địa phương được chính quyền cung cấp thì L3 không có mặt tại địa phương nơi cư trú, không biết đi đâu. Do không đủ thông tin về đối tượng, cơ quan điều tra không đủ căn cứ để xác minh làm rõ. (Bút lục số 107-109, 134-135).

Người có tên Minh, là đối tượng bàn bạc mua bán ma túy với H tại nhà Quyền. Tuy nhiên, H chỉ biết mặt nhưng không biết địa chỉ và thông tin về nhân thân của Minh, nên cơ quan điều tra không có cơ sở điều tra, làm rõ.

Cáo trạng số 55/VKS-P1 ngày 21/6/2017 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn truy tố bị cáo H về tội Mua bán trái phép chất ma túy theo điểm e khoản 4 Điều 194 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của bản thân và xin tòa xem xét giảm nhẹ hình phạt.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát thực hành quyền công tố giữ nguyên quyết định truy tố. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm e khoản 4 Điều 194; điểm p khoản 1, 2 Điều 46; Điều 34 Bộ luật hình sự năm 1999; xử phạt bị cáo H tù Chung thân. Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo. Tịch thu, tiêu hủy ma túy; tịch thu hóa giá sung công quỹ Nhà nước: 02 điện thoại di động của bị cáo đã dùng vào việc phạm tội; trả lại cho bị cáo H: 01 (một) giấy CMND số: 080767860 mang tên H; trả lại cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà L1: 01 (Một) xe mô tô hiệu SANDA màu nâu, BKS: 12F4 – 0328.

Luật sư bào chữa cho bị cáo H đề nghị Hội đồng xét xử xem xét các tình tiết giảm nhẹ như: Bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn, hối cải; sinh sống ở vùng biên giới có điều kiện kinh tế khó khăn; bị cáo ít học, nhận thức pháp luật hạn chế, cần áp dụng điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46 của Bộ luật hình sự năm 1999; xử phạt bị cáo dưới mức đại diện Viện kiểm sát đề nghị.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà L1 yêu cầu: Chiếc xe máy mang biển kiểm soát 12F4 – 0328 là tài của gia đình. Khi bị cáo H sử dụng chiếc xe máy này để thực hiện hành vi phạm tội, gia đình không biết. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử trả lại tài sản bị thu giữ là chiếc xe máy để sử dụng.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến Kiểm sát viên, bị cáo, người bào chữa, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan;

XÉT THẤY

Tại phiên tòa, bị cáo H đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của bản thân. Lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án, phù hợp với kết luận giám định và còn được chứng minh bằng Biên bản bắt người phạm tội quả tang. Do đó, có đủ cơ sở kết luận bị cáo H đã có hành vi mua bán trái phép chất ma túy Methamphetamine có tổng trọng lượng là 2.958,1 gam. Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn truy tố bị cáo H về tội Mua bán trái phép chất ma túy là hoàn toàn đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm e khoản 4 Điều 194 Bộ luật Hình sự.

Hành vi phạm tội của bị cáo H là đặc biệt nghiêm trọng, hành vi của bị cáo gây ra đã xâm phạm đến các quy định về độc quyền quản lý chất ma túy của Nhà nước. Mua bán ma túy trái phép làm phát sinh tệ nạn xã hội là nguyên nhân phát sinh ra các loại tội phạm khác, ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự xã hội của địa phương. Bị cáo là người có thể chất phát triển bình thường, có đầy đủ năng lực hành vi, năng lực trách nhiệm hình sự. Bị cáo nhận thức được mua bán trái phép chất ma túy là vi phạm pháp luật nhưng vì háo hức nên bị cáo vẫn cố ý thực hiện.

Với tính chất đặc biệt nghiêm trọng của vụ án, cần xử phạt bị cáo với mức án nghiêm khắc tương xứng với hành vi phạm tội mà bị cáo đã gây ra nhằm giáo dục và phòng, chống tội phạm.

Để cá thể hóa hình phạt, cần xem xét về nhân thân và tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo: Bị cáo từng bị Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Lạng Sơn xét xử về tội Trộm cắp tài sản, nay đã được xóa án tích nhưng xét về nhân thân, bị cáo là người có nhân thân không tốt. Tuy nhiên, khi lượng hình cần xem xét bị cáo không có tình tiết tăng nặng, trong quá trình điều tra, cũng như tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của bản thân nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm p khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự. Bị cáo sinh sống ở vùng biên giới có điều kiện kinh tế khó khăn, xã hội ít phát triển, trình độ học vấn của bị cáo thấp, nhận thức xã hội hạn chế nên cho bị cáo hưởng tình tiết giảm nhẹ theo khoản 2 Điều 46 của Bộ luật hình sự năm 1999.

Căn cứ theo điểm c tiểu mục 3.1 Mục 3 Nghị quyết số 01/2001/NQ-HĐTP ngày 15/3/2001 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao với khối lượng ma túy đặc biệt lớn mà bị cáo mua bán cần đưa ra mức án tử hình; tuy nhiên cần xem xét bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ; căn cứ điểm c tiểu mục 3.3 Mục 3 Nghị quyết số 01/2001/NQ-HĐTP ngày 15/3/2001 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao xử phạt bị cáo tù Chung thân là hoàn toàn thỏa đáng với tính chất và hành vi phạm tội của bị cáo đã gây ra.

Cần xem xét, giảm nhẹ phần nào hình phạt cho bị cáo để bị cáo thấy được sự khoan hồng của pháp luật mà an tâm cải tạo thành người có ích cho xã hội.

Về hình phạt bổ sung: Qua xác minh, bị cáo H không có tài sản riêng có giá trị nên không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với bị cáo.

Về vật chứng, trong quá trình điều tra, cơ quan điều tra thu giữ được của bị cáo H một số tài sản cần được xem xét xử lý như sau:

Đối với vật chứng là 2958,1 gam ma túy Methamphetamine cần tịch thu tiêu hủy; 01 giấy chứng minh nhân dân mang tên của bị cáo trả lại cho bị cáo; 02 chiếc điện thoại của bị cáo sử dụng vào việc phạm tội nên cần tịch thu hóa giá sung công quỹ Nhà nước;

Xe máy mang biển kiểm soát 12F4 – 0328, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà L1 (vợ bị cáo) có yêu cầu xin lại chiếc xe để sử dụng: Xét thấy, khi bị cáo sử dụng để làm phương tiện thực hiện việc mua bán ma túy, bà L1 hoàn toàn không biết. Do đó, cần trả lại chiếc xe này cho bà L1.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là hoàn toàn phù hợp với nhận định nêu trên nên cần chấp nhận. Ý kiến của người bào chữa cho bị cáo về mức án tại phiên tòa là chưa phù hợp nên không được chấp nhận.

Ngoài ra, trong vụ án còn có đối tượng khác, nhưng cơ quan điều tra chưa điều tra xác minh là rõ được, nên Tòa không xem xét.

Bị cáo bị kết tội nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

I. Tuyên bố: Bị cáo **H** phạm tội “**Mua bán trái phép chất ma túy**”.

II. Về hình phạt:

Áp dụng điểm e khoản 4 Điều 194; điểm p khoản 1, 2 Điều 46; Điều 34 Bộ luật hình sự năm 1999;

- Xử phạt bị cáo **H** tù Chung thân. Thời hạn tù tính từ ngày bị bắt 10/6/2016.

- Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

III. Xử lý vật chứng:

Căn cứ điều 41 Bộ luật hình sự và khoản 2 điều 76 Bộ luật tố tụng hình sự.

1- Tịch thu, tiêu hủy:

01 (một) hộp bia catton ngoài được dán kín bằng giấy trắng, trên mặt ghi dòng chữ “TANG VẬT THU GIỮ CỦA H, ngày 10/06/2016”. Tại các mép dán mặt ngoài của hộp bia được niêm phong có chữ ký cùng tên của những thành phần tham gia niêm phong và hình dấu của Đoàn Công an M, huyện L, tỉnh Lạng Sơn. Tại phần giáp lai mới có chữ ký cùng tên của giám định viên Hoàng Mạnh Hà, trợ lý giám định Ngô Văn Đông và hình dấu tròn của phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Lạng Sơn. Bên trong chứa 2958,1 kg chất ma túy Methamphetamine.

2- Tịch thu hóa giá sung công quỹ Nhà nước:

- 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Viettel màu đỏ đen, số IMEI 1: 862614022638329, bên trong có lắp sim Viettel, máy cũ đã qua sử dụng.

- 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu CHINO.E màu vàng, số IMEI 1: 860961030405619, máy cũ đã qua sử dụng.

3- Trả lại cho bị cáo H: 01 (một) giấy CMND số: 080767860 mang tên H do Công an tỉnh Lạng Sơn cấp ngày 12/10/2012.

4- Trả lại cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà L1: 01 (một) xe mô tô hiệu SANDA màu nâu, BKS: 12F4 – 0328, số khung 01577961, số máy 01577961, xe cũ đã qua sử dụng.

(Toàn bộ vật chứng nêu trên theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 20/6/2017 giữa Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh Lạng Sơn và Cục Thi hành án dân sự tỉnh Lạng Sơn)

IV. Án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 99 Bộ luật tố tụng hình sự, điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy

định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Bị cáo H phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan. Báo cho bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan biết có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (Ngày 12/7/2017).

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Lạng Sơn;
- Sở Tư pháp;
- PC81B, PV27 CA tỉnh Lạng Sơn;
- Cục THADS tỉnh Lạng Sơn;
- Bị cáo (qua trại giam);
- Người tham gia tố tụng khác;
- HCTP, KTNV&THA;
- Lưu hồ sơ; Tòa hình sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Chu Long Kiếm

